shuǐ dào

水稻

Noun · rice

Example Sentences

zhè piàn shuǐ dào zhǎng shì hěn hǎo
这 片 水 稻 长 势 很 好。

This rice is growing very well.

nóng mín zài tián lǐ zhǒng zhí shuǐ dào
农 民 在 田 里 种 植 水 稻。

Farmers grow rice in the fields.

nóng mín zhèng zài tián lǐ zāi péi shuǐ dào
农 民 正 在 田 里 栽 培 水 稻。

Farmers are cultivating rice in the fields.

Trace each character, then write the word on your own.